

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - VĨNH LONG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày: 16 - 7- 2025

"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lập

2. Ông Nguyễn Trung Du

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 –Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2025/TLST-DS ngày 28/02/2025, về việc “***Tranh chấp hợp đồng góp hui***” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà [Nguyễn Thanh T](#), sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: [ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long](#).

- *Bị đơn:* 1/ Bà [Phạm Thị T1](#), sinh năm 1973 (Vắng).

2/ Ông [Nguyễn Công C](#), sinh năm 1968 (Vắng).

Cùng địa chỉ cư trú: [ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long](#).

- *Người làm chứng:*

Chị [Lê Thị N](#), sinh năm 1977.

Địa chỉ: [ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị [Nguyễn Thanh T](#) trình bày:**

Tôi có làm chủ hui do chị [T1](#) làm hui viên gồm 04 dây hui cụ thể như sau:

- Dây 1: Hui mở ngày 17/6/2022 (19/5/2022 âm lịch), hui tháng loại hui 5.000.000đ, hui gồm 21 phần, chị [T1](#) tham gia 01 phần. Chị [T1](#) đóng hui được 03 lần đến lần thứ 04 thì chị [T1](#) hốt hui, chị [T1](#) kêu hui 1.550.000đ, trừ tiền huê hồng cho đầu thảo 2.500.000đ. Chị [T1](#) hốt hui được số tiền 56.150.000đ. Sau

khi hốt hụi chị T1 đóng hụi chết được 09 lần số tiền là 45.000.000đ. Chị T1 còn nợ lại 08 lần hụi chết số tiền 40.000.000đ. Dây hụi này đã mãn, tôi đã chàng hụi thay cho chị T1 08 lần hụi chết số tiền **40.000.000đ**.

- Dây 2: Hụi mở ngày 05/9/2022 (10/8/2022 al), hụi tháng loại hụi 5.000.000đ, hụi gồm 23 phần, chị T1 tham gia 01 phần, chị T1 đóng hụi được 05 lần. Đến lần thứ 06 chị T1 hốt hụi, chị T1 kêu hụi 1.850.000đ, trừ tiền huê hồng cho đầu thảo 2.500.000đ, chị T1 hốt hụi được số tiền 40.000.000đ. Sau khi hốt hụi chị T1 đóng được 09 lần hụi chết số tiền 45.000.000đ thì ngưng không đóng nữa. Chị T1 còn nợ lại 08 lần hụi chết số tiền 40.000.000đ. Dây hụi này đã mãn, tôi đã chàng hụi thay cho chị T1 08 lần hụi chết số tiền **40.000.000đ**.

- Dây 3: Hụi mở ngày 26/4/2022 (26/03/2022 al), hụi tháng loại hụi 5.000.000đ, hụi gồm 22 phần, chị T1 tham gia 01 phần. Chị T1 đóng hụi được 07 lần. Đến lần thứ 08 chị T1 hốt hụi, chị T1 kêu hụi 1.600.000đ, trừ tiền huê hồng cho đầu thảo 2.500.000đ, chị T1 hốt hụi được số tiền 45.100.000đ. Sau khi hốt hụi chị T1 đóng được 06 lần hụi chết số tiền 30.000.000đ thì ngưng không đóng nữa. Chị T1 còn nợ lại 08 lần hụi chết số tiền 40.000.000đ. Dây hụi này đã mãn, tôi đã chàng hụi thay cho chị T1 08 lần hụi chết số tiền **40.000.000đ**.

- Dây 4: Hụi mở ngày 04/9/2022 (09/8/2022 al), hụi tháng loại hụi 2.000.000đ, hụi gồm 20 phần, chị T1 tham gia 01 phần. Chị T1 đóng hụi được 03 lần. Đến lần thứ 04 chị T1 hốt hụi, chị T1 kêu hụi 680.000đ, trừ tiền huê hồng cho đầu thảo 1.000.000đ, chị T1 hốt hụi được số tiền 20.120.000đ. Sau khi hốt hụi chị T1 đóng được 03 lần hụi chết số tiền 6.000.000đ thì ngưng không đóng nữa. Dây hụi này đã mãn, tôi đã chàng hụi thay cho chị T1 03 lần hụi chết số tiền **6.000.000đ**.

Sau khi cần trừ hụi thì tôi và chị T1 có làm giấy chốt hụi là chị T1 còn nợ tôi 123.500.000đ.

Do tôi còn nợ hụi chị N nên tôi và chị T1 cùng chị N có thỏa thuận là chị T1 sẽ thay tôi trả nợ hụi cho chị N. Chị T1 đã trả được 04 tháng số tiền là 6.000.000đ. Do đó chị T1 hiện còn nợ tôi 117.500.000đ.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng, chị T1 trả tôi số tiền nợ hụi là **117.500.000đ**. Ngoài ra, tôi không có yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn chị Phạm Thị T1 trình bày:**

Tôi là hụi viên do chị T là chủ hụi đối với nhiều dây hụi. Sau khi chị T ngưng hụi thì giữa tôi và chị T có chốt hụi, số tiền tôi nợ hụi chị T bao nhiêu thì tôi không nhớ.

Do chị T có nợ tiền hụi chị N nên giữa tôi, chị T và chị N có thỏa thuận miệng với nhau là: Tôi sẽ thay chị T trả tiền nợ hụi cho chị N. Do đó hiện tại tôi không còn nợ hụi chị T nữa.

Thời gian nào tôi không nhớ cụ thể, giữa tôi và chị T có làm tờ giấy đề chốt hụi. Chữ ký tên và chữ viết họ tên là của tôi, nhưng số tiền 123.500.000đ là không đúng.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn chị T giữ nguyên ý kiến trình bày.

+ Bị đơn chị T1 và anh C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hội thuộc trường hợp quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn có nơi cư trú tại [xã H](#) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

Nhận thấy bị đơn [Phạm Thị T1](#) và [Nguyễn Công C](#) vắng mặt tại phiên tòa mặc dù được Tòa án tổng đạt đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hội 117.500.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị [T1](#) thừa nhận có tham gia 04 dây hội do chị [T](#) làm chủ hội. Cả 04 dây hội thì chị [T1](#) đã hót hội nhưng chưa đóng hội hết đầy đủ cho chị [T](#). Sau đó chị [T](#) và chị [T1](#) có làm tờ giấy để chốt hội với nhau số tiền là 123.500.000đ. Tuy chị [T1](#) không nhớ số tiền chốt hội là bao nhiêu nhưng chị [T1](#) thừa nhận chữ ký tên và chữ viết họ tên trong tờ giấy chốt hội là của chị [T1](#). Do chị [T](#) còn nợ hội chị [N](#) nên giữa chị [T](#) và chị [T1](#) cùng chị [N](#) có thỏa thuận miệng là chị [T1](#) sẽ thay chị [T](#) trả nợ hội cho chị [N](#). Chị [T1](#) đã trả được 04 tháng số tiền là 6.000.000đ. Sau khi khấu trừ thì chị [T1](#) hiện còn nợ chị [T](#) 117.500.000đ. Do đó, việc chị [T](#) yêu cầu chị [T1](#) trả số tiền nợ hội còn thiếu là 117.500.000đ là phù hợp quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1] Xét việc nguyên đơn yêu cầu anh [C](#) liên đới trả số tiền nợ hội 117.500.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình chị [T1](#) tham gia 04 dây hội do chị [T](#) làm chủ hội cho đến khi chốt nợ hội thì giữa chị [T1](#) và anh [C](#) là vợ chồng hợp pháp. Chị [T1](#) không chứng minh được việc lãnh tiền hót hội để sử dụng mục đích riêng của chị [T1](#). Đồng thời anh [C](#) không có ý kiến trình bày về việc nợ của chị [T1](#) đối với chị [T](#). Do đó việc chị [T](#) yêu cầu anh [C](#) liên đới trả số tiền nợ hội 117.500.000đ là phù hợp quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: Chị [T1](#) và anh [C](#) phải nộp: $117.500.000đ \times 5\% = 5.875.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Các Điều 91, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025; Điều 275 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ về hộ, họ, họ, họ, họ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T đối với chị Phạm Thị T1 và anh Nguyễn Công C.

Buộc chị Phạm Thị T1 và anh Nguyễn Công C có nghĩa vụ trả chị Phạm Thị T1 số tiền nợ hộ là 117.500.000đ (một trăm mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc chị Phạm Thị T1 và anh Nguyễn Công C nộp 5.875.000đ (năm triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

+ Chị T không phải nộp án phí. Hoàn trả chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.938.000đ theo lai thu số 0009896 ngày 28/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV4;
- P THADS KV4;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Kim Mẫn

